



DANH SÁCH TÀI SẢN CÔNG THANH LÝ

(Danh mục tài sản công thanh lý theo thông báo số 04/TB-CNLS ngày 26 tháng 1 năm 2026 về việc thanh lý tài sản công của Trung tâm Công nghệ Laser)

STT	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
1	Két bạc	QLTH-KET-0.01	1991	Cái	1.000.000	-		150	3: Hỏng-không sử dụng được	750.000	
2	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.1	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
3	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.2	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
4	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.3	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
5	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.4	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
6	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.5	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
7	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.6	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
8	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.7	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
9	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.8	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
10	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.9	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
11	Ghế xoay	QLTH-GHE-0.02.10	1995	Cái	60.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
12	Bàn họp 1.4 x 2.2	QLTH-BAN-0.01	1997	Cái	3.400.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
13	Bàn họp 1.2 x 2	QLTH-BAN-0.02	1997	Cái	1.980.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
14	Bàn để máy vi tính	QLTH-BAN-0.04	1997	Cái	1.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
15	Máy điều hòa LG	QLTH-ĐH-0.04	1998	Cái	5.600.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
16	Bàn quây	QLTH-BAN-0.03.1	2000	Cái	1.430.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
17	Bàn quây	QLTH-BAN-0.03.2	2000	Cái	1.430.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
18	Bàn làm việc 1,4m	QLTH-BAN-0.05.1	2000	Cái	760.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
19	Bàn làm việc 1,4m	QLTH-BAN-0.05.2	2000	Cái	760.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
20	Bàn làm việc	QLTH-BAN-0.06	2000	Cái	510.400	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
21	Vách ngăn 2,8m x 1,4m	QLTH-TBK-0.01.1	2000	Cái	1.509.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
22	Vách ngăn 2,8m x 1,4m	QLTH-TBK-0.01.2	2000	Cái	1.509.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
23	Phần mềm tiền xử lý thông tin	QLTH-PM-1.02	2001	Phần mềm	26.350.000	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
24	Máy scanner HP 4500c	QLTH-MVPK-0.01	2002	Cái	9.372.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
25	Máy đun nước nóng lạnh Winix 210D	QLTH-MVPK-0.02	2002	Cái	2.400.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
26	Biến thế tự ngẫu V-100A	QLTH-TBK-1.02	2004	Cái	12.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
27	Bàn làm việc	QLTH-BAN-0.07	2004	Cái	350.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
28	Máy điều hòa Panasonic 12000 BTU	QLTH-ĐH-0.02	2004	Cái	8.833.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
29	Máy điều hòa LG	QLTH-ĐH-0.03	2004	Cái	8.400.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
30	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.1	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
31	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.2	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
32	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.3	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
33	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.4	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
34	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.5	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
35	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.6	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
36	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.7	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
37	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.8	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
38	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.9	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
39	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.10	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
40	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.11	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
41	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.12	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
42	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.13	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
43	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.14	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
44	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.15	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
45	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.16	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
46	Ghế Xuân Hòa	QLTH-GHE-0.01.17	2004	Cái	71.176	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
47	Máy tính CPU Dual core 2.8GHz HD4650	QLTH-MT-1.01	2007	Cái	15.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
48	Máy tính văn phòng	QLTH-MT-0.01	2007	Cái	9.937.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
49	Máy tính DNA	QLTH-MT-0.02	2010	Cái	7.100.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
50	Máy photocopy Canon IR 1024	QLTH-MVPK-1.01	2011	Cái	16.779.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
51	Điều hòa Nagakawa C185	QLTH-DH-1.01	2011	Cái	10.818.181	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
52	Máy tính để bàn Asus	QLTH-MT-1.02	2014	Cái	10.280.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
53	Bàn làm việc	LSYT-BAN-0.01	1994	Cái	2.200.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
54	Bàn làm việc	LSYT-BAN-0.03	1994	Cái	1.500.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
55	Bàn làm việc	LSYT-BAN-0.02	1996	Cái	1.900.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
56	Tủ sắt kính lùa	LSYT-TU-0.01	1996	Cái	1.900.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
57	Tủ sắt kính mở	LSYT-TU-0.02	1996	Cái	1.600.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
58	Máy hiện sóng có nhớ đen trắng	LSYT-TBĐ-1.01	2009	Cái	27.530.750	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
59	Máy đo mật độ công suất	PTTT-TBĐ-1.03	1994	Cái	23.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
60	Máy đo công suất laser	PTTT-TBĐ-0.01	1994	Cái	7.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
61	Bàn làm việc	PTTT-BAN-0.02	1996	Cái	1.400.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
62	Bàn làm việc	PTTT-BAN-0.03.1	1996	Cái	717.500	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
63	Bàn làm việc	PTTT-BAN-0.03.2	1996	Cái	717.500	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
64	Tủ kính khung nhôm	PTTT-TU-0.01	1996	Cái	4.050.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
65	Bàn làm việc 0.6x1.4	PTTT-BAN-0.01	1997	Cái	1.820.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
66	Tủ sắt	PTTT-TU-0.02	1997	Cái	1.900.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
67	Bàn làm việc 1,2m	PTTT-BAN-0.04	2000	Cái	660.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
68	Bộ ghế salông	PTTT-GHE-0.01	2000	Cái	3.180.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
69	Máy in màu Epson	PTTT-MVPK-0.01	2000	Cái	1.789.200	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
70	Máy hiện sóng	PTTT-TBĐ-1.02	2006	Cái	24.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
71	Máy hiện sóng có nhớ đen trắng	PTTT-TBĐ-1.01	2009	Cái	27.530.750	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
72	Bàn để máy vi tính	LSCN-BAN-0.03	1994	Cái	1.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
73	Máy điều hòa nhiệt độ LG 12000BTU	LSCN-DH-0.01	2002	Cái	8.200.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
74	Bàn giám đốc	LSCN-BAN-0.01	2002	Cái	2.400.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
75	Bàn làm việc	LSCN-BAN-0.02	2002	Cái	1.100.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
76	Ghế giám đốc	LSCN-BAN-0.04	2002	Cái	650.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
77	Bàn làm việc 1,2m	LSCN-BAN-0.06.1	2002	Cái	530.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
78	Bàn làm việc 1,2m	LSCN-BAN-0.06.2	2002	Cái	530.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
79	Bàn làm việc	LSCN-BAN-0.05	2003	Cái	605.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
80	Tủ tài liệu	LSCN-VPK-0.02	2004	Cái	1.450.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
81	Đầu phát laser He-Ne	LSCN-TBK-0.07.1	2004	Cái	1.499.400	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
82	Máy in Canon 3000	LSCN-VPK-0.01	2007	Cái	2.419.200	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
83	Thermal Viewer 510	LSCN-TBQ-1.17	2008	Cái	243.544.073	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
84	Máng thu hồng ngoại IR108B	LSCN-TBQ-1.27	2008	Cái	166.857.185	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
85	Hệ thấu kính IR	LSCN-TBQ-1.35	2008	Cái	102.810.993	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
86	Thiết bị quét mẫu 3 chiều	LSCN-TBQ-1.39	2008	Cái	82.741.714	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
87	Máy kinh vĩ	LSCN-TBQ-1.55	2008	Cái	31.378.759	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
88	Máy tiện CNC cỡ nhỏ	LSCN-TBĐ-1.02	2008	Cái	206.138.029	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
89	Máy phay CNC cỡ nhỏ	LSCN-TBĐ-1.03	2008	Cái	158.076.274	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
90	Máy tính Đồng Nam á	LSCN-MT-0.01	2008	Cái	7.567.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
91	Laser He-Ne	LSCN-TBQ-1.43	2013	Cái	57.505.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
92	Máy tính bàn Đồng Nam á	LSCN-MT-1.01	2013	Cái	11.550.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
93	Thiết bị laser đo khoảng cách tầm gần (Laser Range Finder - TruPulse 200X)	LSCN-TBQ-1.21	2018	Cái	220.000.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
94	Máy laser CO2 35w	K-PTTT-TBĐ-0.02	1993	Cái	9.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
95	Máy ĐHND National 18000BTU	K-LSCN-ĐH-0.02	1993	Cái	7.100.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
96	Máy điều hoà nhiệt độ National 12000 BTU	K-QLTH-ĐH-0.09	1994	Cái	6.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
97	Máy đo mật độ công suất	K-PTTT-TBĐ-0.06	1994	Cái	6.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
98	Tủ ủ ẩm	K-QLTH-TBK-1.05	1995	Cái	29.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
99	Điều hòa nhiệt độ National 12000BTU	K-LSCN-ĐH-0.07	1995	Cái	5.200.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
100	Máy điều trị u xơ tiền liệt tuyến	K-PTTT-TBĐ-1.14	1997	Cái	13.200.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
101	Máy tính casio 12	K-QLTH-MT-0.04.1	1997	Cái	1.050.000	-		1	3: Hỏng-không sử dụng được	5.000	
102	Máy tính casio 12	K-QLTH-MT-0.04.2	1997	Cái	1.050.000	-		1	3: Hỏng-không sử dụng được	5.000	
103	Tủ gỗ 2 buồng	K-QLTH-TU-0.03.1	1997	Cái	1.800.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
104	Tủ gỗ 2 buồng	K-QLTH-TU-0.03.2	1997	Cái	1.800.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
105	Tủ hồ sơ kính gỗ	K-QLTH-TU-0.04.1	1997	Cái	1.800.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
106	Tủ hồ sơ kính gỗ	K-QLTH-TU-0.04.2	1997	Cái	1.800.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
107	Máy điều hoà nhiệt độ National 12000BTU	K-LSYT-ĐH-0.02	1997	Cái	6.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
108	Máy cắt phi kim loại	K-LSYT-TBĐ-0.18	1998	Cái	2.600.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
109	Ôn áp	K-LSYT-TBĐ-0.19	1998	Cái	2.100.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
110	Nguồn vi chỉnh điện áp thấp	K-LSYT-TBĐ-0.20	1998	Cái	2.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
111	Máy đo vạn năng	K-LSCN-TBĐ-0.14	1998	Cái	1.106.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
112	Két bạc K130K98	K-QLTH-KET-0.02	1999	Cái	3.900.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
113	Máy điều hòa LG một cục 1 chiều	K-LSCN-ĐH-0.04	1999	Cái	7.923.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
114	Dao động ký TDS-220	K-PTTT-TBĐ-1.12	2000	Cái	25.500.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
115	Máy điều hoà nhiệt độ LG 12000BTU	K-QLTH-ĐH-0.08	2000	Cái	6.770.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
116	Tủ lạnh Daewoo	K-QLTH-TU-0.01	2000	Cái	2.849.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
117	Tủ tài liệu gỗ	K-QLTH-TU-0.05	2000	Cái	1.060.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
118	Tủ locker 4 ngăn	K-QLTH-TU-0.06.1	2000	Cái	640.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
119	Tủ locker 4 ngăn	K-QLTH-TU-0.06.2	2000	Cái	640.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
120	Tủ locker 4 ngăn	K-QLTH-TU-0.06.3	2000	Cái	640.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
121	Máy ĐHND National 9000BTU	K-PTTT-ĐH-0.01	2000	Cái	5.810.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
122	Máy in laser HP1100	K-PTTT-MVPK-0.03	2000	Cái	5.992.350	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
123	Máy khoan	K-PTTT-TBĐ-0.08	2000	Cái	1.390.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
124	Mô hàn điều chỉnh nhiệt độ	K-PTTT-TBĐ-0.09	2000	Cái	1.200.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
125	Bàn làm việc 1,8m	K-LSYT-BAN-0.04	2000	Cái	1.285.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
126	Điều hoà nhiệt độ LG	K-LSYT-ĐH-0.01	2000	Cái	6.715.500	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
127	Bộ phát triển MCS51	K-LSYT-TBĐ-0.21	2000	Cái	2.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
128	Tủ để tài liệu	K-LSYT-TU-0.03.1	2000	Cái	1.030.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
129	Tủ để tài liệu	K-LSYT-TU-0.03.2	2000	Cái	1.030.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
130	Tủ để tài liệu	K-LSYT-TU-0.03.3	2000	Cái	1.030.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
131	Máy hàn bàn hồng kỳ	K-LSCN-TBĐ-0.13	2000	Cái	4.330.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
132	Sách tiếng anh chuyên ngành	K-LSCN-TBK-0.13.1	2000	Cái	2.068.500	-		1	3: Hỏng-không sử dụng được	5.000	
133	Sách tiếng anh chuyên ngành	K-LSCN-TBK-0.13.2	2000	Cái	2.068.500	-		0,5	3: Hỏng-không sử dụng được	2.500	
134	Phích đun nước điện	K-LSCN-VPK-0.04	2000	Cái	1.550.000	-		0,5	3: Hỏng-không sử dụng được	2.500	
135	Máy in laser HP1100	K-LSCN-VPK-0.06	2000	Cái	6.174.000	-		0,5	3: Hỏng-không sử dụng được	2.500	
136	Máy đo kỹ thuật khuếch đại	K-LSYT-TBĐ-1.06	2001	Cái	17.873.700	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
137	Máy phát sóng khả trình	K-LSYT-TBĐ-1.07	2001	Cái	16.083.300	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
138	Máy phát đa năng	K-LSYT-TBĐ-1.08	2001	Cái	16.083.200	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
139	Máy phát xung quét răng cưa	K-LSYT-TBĐ-1.09	2001	Cái	16.083.200	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
140	Máy phát xung chuẩn PM	K-LSYT-TBĐ-1.13	2001	Cái	14.555.300	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
141	Điều hòa National	K-LSCN-DH-1.05	2001	Cái	20.850.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
142	Phích đun nước	K-QLTH-MVPK-0.04	2001	Cái	1.837.000	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
143	Tủ hồ sơ sắt	K-QLTH-TU-0.02.1	2001	Cái	2.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
144	Tủ hồ sơ sắt	K-QLTH-TU-0.02.2	2001	Cái	2.000.000	-		30	3: Hỏng-không sử dụng được	150.000	
145	Thiết bị đo nhiệt PID	K-LSYT-TBĐ-0.04	2001	Cái	7.609.450	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
146	Thiết bị đo nhiệt PID	K-LSYT-TBĐ-0.05	2001	Cái	7.609.450	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
147	Máy kiểm tra logic DELICA	K-LSYT-TBĐ-0.06	2001	Cái	7.594.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
148	Máy kiểm tra Trastistor	K-LSYT-TBĐ-0.07	2001	Cái	7.501.400	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
149	Hệ đo nhiệt độ	K-LSYT-TBĐ-0.09	2001	Cái	6.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
150	Miliom kế	K-LSYT-TBĐ-0.11	2001	Cái	5.942.500	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
151	Bộ điều khiển lập trình PLC ghép nối	K-LSYT-TBĐ-0.15.1	2001	Cái	4.892.900	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
152	Bộ điều khiển lập trình PLC ghép nối	K-LSYT-TBĐ-0.15.2	2001	Cái	4.892.900	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
153	Bộ điều khiển lập trình PLC ghép nối	K-LSYT-TBĐ-0.15.3	2001	Cái	4.892.900	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
154	Đầu đo áp suất khí	K-LSYT-TBĐ-0.16	2001	Cái	3.096.600	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
155	Máy phát xung logic	K-LSYT-TBĐ-0.22.1	2001	Cái	1.620.650	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
156	Máy phát xung logic	K-LSYT-TBĐ-0.22.2	2001	Cái	1.620.650	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
157	Cặp nhiệt điện mẫu, trở nhiệt bạch kim	K-LSYT-TBĐ-0.23.1	2001	Cái	1.512.633	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
158	Cặp nhiệt điện mẫu, trở nhiệt bạch kim	K-LSYT-TBĐ-0.23.2	2001	Cái	1.512.633	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
159	Cặp nhiệt điện mẫu, trở nhiệt bạch kim	K-LSYT-TBĐ-0.23.3	2001	Cái	1.512.633	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
160	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.1	2001	Cái	1.512.630	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
161	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.2	2001	Cái	1.512.630	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
162	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.3	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
163	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.4	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
164	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.5	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
165	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.6	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
166	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.7	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
167	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.8	2001	Cái	1.512.630	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
168	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.9	2001	Cái	1.512.630	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
169	Các thiết bị giám sát và điều khiển	K-LSYT-TBĐ-0.24.10	2001	Cái	1.512.630	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
170	Hệ đo dòng chảy áp lực, bơm khí nước	K-LSYT-TBĐ-0.25.1	2001	Cái	1.500.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
171	Hệ đo dòng chảy áp lực, bơm khí nước	K-LSYT-TBĐ-0.25.2	2001	Cái	1.500.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
172	Hệ đo dòng chảy áp lực, bơm khí nước	K-LSYT-TBĐ-0.25.3	2001	Cái	1.500.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
173	Hệ đo dòng chảy áp lực, bơm khí nước	K-LSYT-TBĐ-0.25.4	2001	Cái	1.500.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
174	Rơ le cắt hệ thống 10A,30A,50A	K-LSYT-TBĐ-0.27.1	2001	Cái	666.667	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
175	Rơ le cắt hệ thống 10A,30A,50A	K-LSYT-TBĐ-0.27.2	2001	Cái	666.667	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
176	Rơ le cắt hệ thống 10A,30A,50A	K-LSYT-TBĐ-0.27.3	2001	Cái	666.667	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
177	USB Hub 4 cổng	K-LSCN-TBK-0.10	2001	Cái	3.207.600	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
178	Máy ảnh kỹ thuật số	K-LSCN-MMK-1.05	2002	Cái	15.008.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
179	Máy ĐHND LG 12000BTU	K-QLTH-ĐH-0.06	2002	Cái	8.200.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
180	Máy in laser canon	K-QLTH-MVPK-0.03	2002	Cái	5.120.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
181	Bộ đồ dùng khi bảo dưỡng thiết bị	K-LSCN-TBĐ-0.05	2002	Cái	3.120.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
182	Máy khoan để bàn	K-LSCN-TBĐ-0.07	2002	Cái	2.000.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
183	Máy khoan mạch in	K-LSCN-TBĐ-0.08	2002	Cái	1.500.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
184	Máy mài điện	K-LSCN-TBĐ-0.09	2002	Cái	1.500.000	-		10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
185	Bộ cờ lê	K-LSCN-TBĐ-0.10	2002	Cái	1.000.000	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
186	Tuốc nơ vít	K-LSCN-TBĐ-0.11	2002	Cái	1.000.000	-		1	3: Hỏng-không sử dụng được	5.000	
187	Máy nén khí	K-LSCN-TBĐ-0.12	2002	Cái	4.500.000	-		2	3: Hỏng-không sử dụng được	10.000	
188	Đồng hồ đo điện vạn năng hiển thị số	K-QLTH-TBK-0.04	2003	Cái	4.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
189	Thiết bị kiểm tra dao mổ điện cao tần	K-PTTT-TBĐ-1.05	2004	Cái	131.199.600	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
190	Thiết bị mô phỏng bộ nhớ ROM	K-PTTT-TBĐ-1.06	2004	Cái	51.096.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
191	Đồng hồ cao áp 4600A	K-PTTT-TBĐ-1.07	2004	Cái	45.597.300	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
192	Thiết bị phân tích logic	K-PTTT-TBĐ-1.09	2004	Cái	35.067.218	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
193	Máy hiện sóng	K-PTTT-TBĐ-1.10	2004	Cái	30.918.300	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
194	Cầu đo RCL	K-PTTT-TBĐ-1.11	2004	Cái	26.507.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
195	Máy nạp chương trình vạn năng	K-PTTT-TBĐ-1.13	2004	Cái	20.598.600	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
196	Thiết bị đo lường công suất laser	K-LSYT-TBĐ-1.12	2004	Cái	15.750.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
197	Máy đo dòng gián tiếp	K-LSYT-TBĐ-1.15	2004	Cái	10.500.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
198	Máy đo dòng gián tiếp	K-LSYT-TBĐ-1.16	2004	Cái	10.500.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
199	Máy đo điện dung	K-LSYT-TBĐ-1.17	2004	Cái	10.500.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
200	Đầu điều khiển quỹ đạo tia laser YAG	K-LSCN-TBĐ-1.24	2004	Cái	97.334.447	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
201	Bộ linh kiện kèm theo máy đếm tần	K-LSCN-TBĐ-1.31	2004	Cái	45.305.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
202	Máy kiểm tra công suất laser	K-LSCN-TBĐ-1.32	2004	Cái	45.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
203	Tấm thử công suất hồng ngoại	K-LSCN-TBĐ-1.33	2004	Cái	15.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
204	Động cơ 3 pha đặc chủng	K-LSCN-MMK-1.07	2004	Cái	50.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
205	Máy nạp chương trình Supperro 280	K-LSCN-MMK-1.11	2004	Cái	16.237.100	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
206	Máy ảnh kỹ thuật số	K-LSCN-MMK-1.13	2004	Cái	14.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
207	Colimater	K-LSCN-MMK-1.14	2004	Cái	12.967.500	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
208	Ghế xoay	K-QLTH-GHE-0.03	2004	Cái	370.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
209	Máy tính PIV	K-PTTT-MT-0.01	2004	Cái	8.265.600	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
210	Máy in HP1300	K-PTTT-MVPK-0.02	2004	Cái	8.337.800	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
211	Thiết bị đo công suất dạng kim kẹp 3286-20	K-PTTT-TBĐ-0.03	2004	Cái	8 529 150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
212	Máy phát chức năng	K-PTTT-TBĐ-0.04	2004	Cái	7.035.600	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
213	Nguồn cấp 1 chiều	K-PTTT-TBĐ-0.05.1	2004	Cái	6 211.800	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
214	Nguồn cấp 1 chiều	K-PTTT-TBĐ-0.05.2	2004	Cái	6.211.800	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
215	Máy đo điện trở đất	K-PTTT-TBĐ-0.07	2004	Cái	5.945.100	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
216	Máy cắt kim loại	K-LSYT-TBĐ-0.01	2004	Cái	9 850.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
217	Sensor cảm biến	K-LSYT-TBĐ-0.12	2004	Cái	5.025.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
218	Đồng hồ đo dòng không tiếp xúc	K-LSYT-TBĐ-0.14	2004	Cái	4.935.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
219	Máy bấm đinh tán	K-LSYT-TBĐ-0.26.1	2004	Cái	1.050.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
220	Máy bấm đinh tán	K-LSYT-TBĐ-0.26.2	2004	Cái	1.050.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
221	Bộ suy giảm HZ24	K-LSCN-TBĐ-0.06.1	2004	Cái	2.446.500	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
222	Bộ suy giảm HZ24	K-LSCN-TBĐ-0.06.2	2004	Cái	2.446.500	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
223	Đồng hồ vạn năng chỉ thị kim 3030-10	K-LSCN-TBĐ-0.15	2004	Cái	782.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
224	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.1	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
225	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.2	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
226	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.3	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
227	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.4	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
228	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.5	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
229	Que đo dao động ký HP2040	K-LSCN-TBĐ-0.16.6	2004	Cái	171.150	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
230	Đầu phát laser He-Ne	K-LSCN-TBK-0.07.1	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
231	Đầu phát laser He-Ne	K-LSCN-TBK-0.07.2	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
232	Bộ lọc quang học	K-LSCN-TBK-0.12	2004	Cái	2.992.500	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
233	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.1	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
234	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.2	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
235	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.3	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
236	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.4	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
237	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.5	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
238	Khối quay hiệu chỉnh phân cực	K-LSCN-TBK-0.14.6	2004	Cái	2.000.250	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
239	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.1	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
240	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.2	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
241	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.3	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
242	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.4	2004	Cái	1.499.400	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
243	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.5	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
244	Giá đỡ lăng kính	K-LSCN-TBK-0.15.6	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
245	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.1	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
246	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.2	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
247	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.3	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
248	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.4	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
249	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.5	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
250	Giá tự căn chỉnh thấu kính	K-LSCN-TBK-0.16.6	2004	Cái	1.499.400	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
251	Lăng kính	K-LSCN-TBK-0.17.1	2004	Cái	1.496.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
252	Lăng kính	K-LSCN-TBK-0.17.2	2004	Cái	1.496.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
253	Lăng kính	K-LSCN-TBK-0.17.3	2004	Cái	1.496.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
254	Lăng kính	K-LSCN-TBK-0.17.4	2004	Cái	1.496.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
255	Mô hàn điều nhiệt 936	K-LSCN-TBK-0.20	2004	Cái	6.363.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
256	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.1	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
257	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.2	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
258	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.3	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
259	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.4	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
260	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.5	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
261	Thanh chuyển tiếp	K-LSCN-TBK-0.22.6	2004	Cái	698.250	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
262	Đế từ để lắp đặt hệ quang	K-LSCN-TBK-0.23.1	2004	Cái	600.075	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
263	Đế từ để lắp đặt hệ quang	K-LSCN-TBK-0.23.2	2004	Cái	600.075	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
264	Đế từ để lắp đặt hệ quang	K-LSCN-TBK-0.23.3	2004	Cái	600.075	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
265	Đế từ để lắp đặt hệ quang	K-LSCN-TBK-0.23.4	2004	Cái	600.075	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
266	Thấu kính	K-LSCN-TBK-0.24.1	2004	Cái	498.750	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
267	Thấu kính	K-LSCN-TBK-0.24.2	2004	Cái	498.750	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
268	Thấu kính	K-LSCN-TBK-0.24.3	2004	Cái	498.750	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
269	Thấu kính	K-LSCN-TBK-0.24.4	2004	Cái	498.750	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
270	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.1	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
271	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.2	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
272	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.3	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
273	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.4	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
274	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.5	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
275	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.6	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
276	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.7	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
277	Các đầu kẹp thanh quang học	K-LSCN-TBK-0.25.8	2004	Cái	349.650	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
278	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.1	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
279	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.2	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
280	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.3	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
281	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.4	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
282	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.5	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
283	Các thanh quang học dạng tròn chuẩn	K-LSCN-TBK-0.26.6	2004	Cái	301.350	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
284	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.1	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
285	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.2	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
286	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.3	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
287	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.4	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
288	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.5	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
289	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.6	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
290	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.7	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
291	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.8	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
292	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.9	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
293	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.10	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
294	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.11	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
295	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.12	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
296	Các đầu kẹp vào bản quang học	K-LSCN-TBK-0.27.13	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
297	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.14	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
298	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.15	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
299	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.16	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
300	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.17	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
301	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.18	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
302	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.19	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
303	Các đầu kẹp vào bàn quang học	K-LSCN-TBK-0.27.20	2004	Cái	199.500	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
304	Máy điều hòa 1 chiều LG 12000 BTU	K-LSCN-DH-0.05	2004	Cái	7.290.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
305	Máy tính xách tay	K-LSCN-MT-1.08	2005	Cái	15.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
306	HP 1320	K-LSCN-VPK-0.05	2005	Cái	7.665.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
307	Thiết bị thở điều khiển thể tích có PEEP	K-QLTH-TBK-1.03	2006	Cái	249.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
308	Máy thở CPAP Auto	K-LSYT-TBĐ-1.05	2006	Cái	32.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
309	Máy thở CPAP	K-LSYT-TBĐ-1.10	2006	Cái	16.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
310	Máy phân tích dòng khí	K-LSCN-TBĐ-1.23	2006	Cái	151.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
311	Máy đo công suất laser Nd:YAG	K-LSCN-TBĐ-1.27	2006	Cái	70.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
312	Máy đo độ cách điện	K-QLTH-TBK-0.02	2006	Cái	7.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
313	Máy đọc nap EPROM	K-LSYT-TBĐ-0.03	2006	Cái	9.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
314	Máy đo công suất quang UV	K-LSYT-TBĐ-0.08	2006	Cái	7.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
315	Bộ điều khiển nhiệt độ chính xác cao	K-LSYT-TBĐ-0.10	2006	Cái	6.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
316	Máy đo nhiệt độ	K-LSYT-TBĐ-0.13	2006	Cái	5.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
317	Bình chứa mẫu teflon trong Autoclave	K-LSYT-TBĐ-0.17.1	2006	Cái	3.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
318	Bình chứa mẫu teflon trong Autoclave	K-LSYT-TBĐ-0.17.2	2006	Cái	3.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
319	Điều hòa nhiệt độ Kamikaze	K-LSCN-DH-0.06	2006	Cái	6.200.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
320	Máy hiện sóng hai tia	K-QLTH-TBK-1.04	2007	Cái	30.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
321	Máy truyền hình độ phân giải cao	K-QLTH-TBK-1.06	2007	Cái	16.500.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
322	Khối chuyển đổi tín hiệu (Data locker)	K-LSCN-MMK-1.08	2007	Cái	46.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
323	Thiết bị xử lý thông tin ảnh	K-LSCN-MMK-1.12	2007	Cái	14.588.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
324	Thiết bị phát tín hiệu video nền	K-QLTH-TBK-0.05	2007	Cái	3.400.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
325	Máy in Canon LBP 3000	K-LSCN-VPK-0.03	2007	Cái	2.411.850	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
326	Máy phát triển ứng dụng cho DSP	K-LSCN-TBĐ-1.15	2008	Cái	13.471.998	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
327	Bộ dụng cụ hàn và tháo LK điện tử	K-LSCN-TBĐ-1.25	2008	Cái	96.175.829	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
328	Bộ phần mềm ứng dụng cho FPGA	K-LSCN-TBĐ-1.29	2008	Phần mềm	50.764.499	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
329	Bộ phần mềm phát triển ứng dụng cho DSP	K-LSCN-PM-1.02	2008	Phần mềm	82.551.299	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
330	Phần mềm kế toán Misa	K-LSCN-PM-1.04	2008	Phần mềm	13.350.000	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
331	Máy photo SHARP-AR-M201	K-LSCN-MVPK-1.02	2008	Cái	11.498.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
332	Máy tính xách tay Dell N4010	K-LSCN-MT-1.06	2008	Cái	28.600.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
333	Máy tính xách tay DELL XPS M133	K-LSCN-MT-1.07	2008	Cái	24.923.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
334	Tần kế	K-LSCN-MMK-1.09	2008	Cái	26.846.748	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
335	Hệ điều hành nhúng thời gian và công cụ	K-LSCN-MMK-1.10	2008	Cái	20.889.999	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	

	Tên tài sản (máy móc, thiết bị)	Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Model	Trọng lượng (kg)	Đánh giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
336	Máy đo điện vạn năng	K-LSCN-TBK-0.18	2008	Cái	9.553.038	-		46	3: Hỏng-không sử dụng được	230.000	
337	Máy hiện sóng có nhớ màu	K-PTTT-TBĐ-1.08	2009	Cái	41.201.200	-		50	3: Hỏng-không sử dụng được	250.000	
338	Đầu phát laser CO2	K-LSYT-TBĐ-1.04	2009	Cái	125.364.499	-		50	3: Hỏng-không sử dụng được	250.000	
339	Nguồn nuôi cho ULR50	K-LSYT-TBĐ-1.14	2009	Cái	10.893.800	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
340	Máy đo cao áp KV.mas	K-LSCN-TBĐ-1.22	2009	Cái	151.893.600	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
341	Máy đo công suất và năng lượng laser	K-LSCN-TBĐ-1.26	2009	Cái	75.946.800	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
342	Máy hiện sóng có nhớ màu tốc độ cao	K-LSCN-TBĐ-1.30	2009	Cái	49.556.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
343	Điều khiển laser CO2	K-LSYT-TBĐ-0.02	2009	Cái	9.136.700	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
344	Bộ điều khiển Video module thời gian thực	K-LSCN-TBQ-1.82	2010	Cái	209.000.000	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
345	Nguồn cao áp cho các nguồn nhạy cảm APD (Modul điện áp cao ABC 550 - 01)	K-LSCN-TBĐ-1.14.1	2010	Cái	11.779.900	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
346	Nguồn cao áp cho các nguồn nhạy cảm APD (Modul điện áp cao ABC 550 - 01)	K-LSCN-TBĐ-1.14.2	2010	Cái	11.779.900	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
347	Nguồn cao áp cho các nguồn nhạy cảm APD (Modul điện áp cao ABC 550 - 01)	K-LSCN-TBĐ-1.14.3	2010	Cái	11.779.900	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
348	Nguồn cao áp cho các nguồn nhạy cảm APD (Modul điện áp cao ABC 550 - 01)	K-LSCN-TBĐ-1.14.4	2010	Cái	11.779.900	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
349	Nguồn cao áp cho các nguồn nhạy cảm APD (Modul điện áp cao ABC 550 - 01)	K-LSCN-TBĐ-1.14.5	2010	Cái	11.779.900	-		5	3: Hỏng-không sử dụng được	25.000	
350	Máy hiện sóng OX 8100	K-LSCN-TBĐ-1.28	2010	Cái	66.000.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
351	Máy điều hoà nhiệt độ Panasonic 12000BTU	K-QLTH-ĐH-0.05	2010	Cái	8.500.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
352	Máy tính DNA	K-QLTH-MT-0.03	2010	Cái	7.940.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
353	Bộ mở rộng cổng PIC - I/O	K-LSCN-TBK-0.19	2010	Cái	6.839.800	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
354	Bộ chuyển đổi cổng RS485 (Bảng mạch điện)	K-LSCN-TBK-0.21	2010	Cái	6.175.400	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
355	Thiết bị đo công suất bức xạ Laser	K-LSCN-TBĐ-1.13	2011	Cái	10.000.000	-		20	3: Hỏng-không sử dụng được	100.000	
356	Phần mềm Lascad	K-LSCN-PM-1.01	2011	Phần mềm	54.000.000	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
357	Phần mềm website nội bộ	K-LSCN-PM-1.03	2011	Phần mềm	22.000.000	-		-	3: Hỏng-không sử dụng được	-	
358	Laptop HP 4530	K-LSCN-MT-1.02	2012	Cái	10.709.091	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
359	Laptop HP	K-LSCN-MT-1.03	2012	Cái	12.627.273	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
360	Máy tính chuyên dụng	K-LSCN-MT-1.05	2012	Cái	30.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
361	Mô hàn không chế nhiệt độ	K-QLTH-TBK-0.03	2012	Cái	8.500.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
362	Máy tính bàn Đông Nam á	K-QLTH-TBK-1.07	2013	Cái	11.550.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
363	Tấm đo thử laser hồng ngoại	K-LSCN-TBQ-1.78	2013	Cái	10.800.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
364	Đồng hồ vạn năng Fluke	K-LSCN-TBQ-1.83	2013	Cái	16.800.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
365	Máy làm mát đầu phát laser nguồn công suất cao	K-LSCN-TBĐ-1.17	2013	Cái	137.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
366	Máy kiểm tra làm mát đầu phát laser	K-LSCN-TBĐ-1.18	2013	Cái	120.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
367	Giá đo chỉnh gương 3 chiều	K-LSCN-TBĐ-1.19	2013	Cái	42.000.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
368	Máy chiếu Projector Sony	K-LSCN-TBĐ-1.20	2013	Cái	41.895.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
369	Máy phát chức năng LG	K-LSCN-MMK-1.06	2013	Cái	14.567.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
370	Máy điều hoà nhiệt độ SUMIKURA	K-QLTH-ĐH-0.07	2013	Cái	9.740.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
371	Giấy lau bề mặt quang học B2939	K-LSCN-TBQ-0.54	2013	Cái	1.323.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
372	Đầu thu và khuếch đại vùng bước sóng NIR-IR	K-LSCN-TBQ-0.55	2013	Cái	7.854.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
373	Thẻ dò tia laser VRC4	K-LSCN-TBQ-0.56	2013	Cái	1.533.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	
374	thẻ dò tia laser VRC2	K-LSCN-TBQ-0.57	2013	Cái	1.533.000	-		3	3: Hỏng-không sử dụng được	15.000	

								Đơn giá hiện trạng	Đơn giá thanh lý đề xuất	Ghi chú
375	Giấy lau bề mặt quang học CP100	K-LSCN-TBQ-0.58	2013	Cái	231.000	-	1	3: Hỏng-không sử dụng được	5.000	
376	Màn hình tinh thể lỏng	K-LSCN-TBK-0.08	2013	Cái	3.719.100	-	10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
377	Màn hình tinh thể lỏng	K-LSCN-TBK-0.09	2013	Cái	3.719.100	-	10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
378	Máy nén khí D&D ROC 1550A	K-LSCN-TBK-0.11	2013	Cái	3.181.818	-	10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
379	Máy điều hòa 18000BTU (Model: FTKD50FVM)	K-LSYT-TBD-1.11	2015	Cái	15.796.000	-	10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
380	Điều hòa nhiệt độ National 12000BTU	K-LSCN-DH-0.03	2016	Cái	9.700.000	-	8	3: Hỏng-không sử dụng được	40.000	
381	Máy tính để bàn (HP400G2/ MTCORE i5-4590)	K-LSCN-MT-1.04	2018	Cái	17.726.000	-	10	3: Hỏng-không sử dụng được	50.000	
	TỔNG CỘNG				5.404.570.064	-	4.028	-	20.137.500	

TỔNG NGUYÊN GIÁ TS ĐỀ NGHỊ THANH LÝ:	20.000.000
TỔNG CỘNG NGUYÊN GIÁ TSCĐ:	20.000.000